

**CÔNG TY TNHH TMDV VẬT TƯ CƠ KHÍ HỒNG PHÁT VŨNG TÀU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV VẬT TƯ CƠ KHÍ HỒNG PHÁT VŨNG TÀU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502505095

**3. Ngày thành lập:** 10/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 210/9/27 Huyện Trần Công Chứa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0965212423

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                    | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                           | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                           | 4330        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                           | 4520        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                       | 4530        |
| 6.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                      | 4542        |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                    | 4543        |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hoá ( trừ đấu giá) | 4610        |
| 9.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                   | 4620        |
| 10. | Bán buôn thực phẩm                                                                       | 4632        |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                         | 4633        |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                     | 4641        |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                       | 4649        |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                      | 4651        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                       | 4652        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                          | 4659(Chính) |
| 17. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                             | 4661        |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                  | 4663        |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                | 8230        |
| 20. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                           | 9620        |

Thời gian đăng từ ngày 11/08/2023 đến ngày 10/09/2023

|     |                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Quảng cáo                                                                             | 7310 |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                        | 7410 |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                | 7710 |
| 24. | Bán buôn tổng hợp                                                                     | 4690 |
| 25. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                     | 4721 |
| 26. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                      | 4722 |
| 27. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                        | 4723 |
| 28. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                          | 1030 |
| 29. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                 | 1075 |
| 30. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                        | 1610 |
| 31. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                               | 1622 |
| 32. | In ấn                                                                                 | 1811 |
| 33. | Dịch vụ liên quan đến in                                                              | 1812 |
| 34. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                        | 2511 |
| 35. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                            | 2512 |
| 36. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                      | 2591 |
| 37. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                          | 2592 |
| 38. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh              | 4922 |
| 39. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)   | 4931 |
| 40. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                      | 4932 |
| 41. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                        | 4933 |
| 42. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                               | 5012 |
| 43. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                 | 5021 |
| 44. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                           | 5210 |
| 45. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                             | 5222 |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                   | 5229 |
| 47. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng              | 5621 |
| 48. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển        | 7730 |
| 49. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810 |
| 50. | Cung ứng lao động tạm thời                                                            | 7820 |
| 51. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                    | 7830 |
| 52. | Đại lý du lịch                                                                        | 7911 |
| 53. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch   | 7990 |
| 54. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                 | 8121 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 55. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                 | 8129                                                         |
| 56. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                             | 8130                                                         |
| 57. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                        | 3312                                                         |
| 58. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                            | 3313                                                         |
| 59. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                            | 3314                                                         |
| 60. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                         | 3315                                                         |
| 61. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                 | 4101                                                         |
| 62. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                      | 4212                                                         |
| 63. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                 | 4229                                                         |
| 64. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                        | 4299                                                         |
| 65. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                             | 4321                                                         |
| 66. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4741                                                         |
| 67. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                   | 4751                                                         |
| 68. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4752                                                         |
| 69. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                           | 4759                                                         |
| 70. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4761                                                         |
| 71. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                        | 4763                                                         |
| 72. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                  | 4771                                                         |
| 73. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4772                                                         |
| 74. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐẶNG PHÚ VINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/10/2001 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082201000251

Ngày cấp: 25/05/2018

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 5/8 Hoàng Bát Đạt , Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 5/8 Hoàng Bát Đạt , Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG PHÚ VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082201000251

Ngày cấp: 25/05/2018

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 5/8 Hoàng Bát Đạt , Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 5/8 Hoàng Bát Đạt , Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu